BẢN LUẬN QUYỂN 42

Giới khó thực hành có ba: Y cứ ở Cựu luận trong thứ ba tức có ba "Tất cả":

1) "Tất cả" tu hành' 2) "Tất cả" trụ định; 3) "Tất cả" nhớ nghĩ. Tất cả môn giới có bốn:

1) Giới Chánh thọ, tức chính thọ từ người khác và tịnh tâm thọ của mình.

2) Giới bản tánh, nghĩa là Thập Tín trở xuống, do năng lực tánh chủng mà Khởi thân, ngữ, thường chuyển thanh tịnh.

3) Giới quán tập, tức nhập Thập Tín trở lên, trong Tập chủng tánh, đã có giới thể lợi mình.

4) Giới phương tiện tương ưng, tức giới lợi người của bốn Nhiếp sự.

Thiện sĩ giới có năm thứ, như văn. Trang Nghiêm Thi-la trong tất cả giới, như Địa Thanh Văn.

Người Cựu luận đều biết trong mười bảy, tự có Địa Thanh văn đã làm xong sự Trang Nghiêm, nghĩa là nói chỉ riêng cho Địa Thanh văn trong kinh Tiểu thừa làm xong.

Bảy thứ như giới chỉ tức v.v... Luận sư Cảnh nói

1) là Giới luật nghi.

2) Giới chuyển tác, tức hai nhóm giới: là Nhiếp thiện và Nhiếp sinh.

3) Giới phòng hộ, tức hộ chung hai giới trước, dùng làm thứ ba. Bốn giới sau là quả.

4) Giới Đại sĩ tướng Dị thục, tức ba nhóm giới được tướng Niết-bàn.

5) giới Tăng thượng Tâm Dị thục, tức ba nhóm giới trước được quả của hai cõi trên.

6) Giới Khả ái Khởi Dị thục, tức ba nhóm giới trước được quả trời, người cõi Dục.

7) Giới Lợi hữu tình Dị thục, đây là quả của giới lợi tha ở đương lai.

Pháp sư Thái nói "Chỉ là chỉ trì. Giới chuyển tác là tác trì chuyển gọi là Khởi. Có đối tượng Khởi tác, gọi là giới chuyển tác ."

Luận sư Trắc nói "giới Tâm tăng thượng Dị thục là giới Định cộng, có thể cảm quả Dị thục của cõi Sắc, Vô Sắc."

Giới Lợi hữu tình Dị thục , nghĩa là cảm quả thù thắng, báo của

người, nhiếp lợi hữu tình.

Toại cầu giới, Cựu luận gọi là tức khổ giới, có tám thứ là thân và ngữ bảy nghiệp đạo bất thiện, và tay cầm phương tiện sát: cục đất, gậy gộc v.v... dùng làm thứ tám.

Pháp sư Khuy Cơ nói "Hỏi "Trong đây, vì sao không nói về ba nghiệp của ý?"

Nghĩa là "Nếu lấy ý ba, xen vào thân, miệng bảy tức là mười. Nếu mười thì sẽ không thành môn tăng số, do đó, không lấy. Môn tất cả thứ (môn nhất thiết chủng) ở trước có sáu thứ, bảy thứ. Lạc của hai đời sau có chín môn. Nay, Toại cầu này nhân từ trên đến đây hợp với nhau tăng thành tám, nên không lấy ý ba ở sau để thành mười thứ. Lại, bảy thứ trước đã phát ở thân, khẩu, không lìa ba thứ sau, có thể phát chủ thể phát ra nơi thân, khẩu, tất nhiên, phải do ba thứ sau, nên không nói.

"Nếu vậy, thì há không có khởi riêng ý ba sau hay sao?"

Nghĩa là "Dù có ẩn không nói, nhưng vì gồm thâu ở chủ thể phát ra trong bảy thứ trước, nên không nói. "

Trong giới của lạc hai đời, Luận sư Cảnh nói "Ngăn ngừa, nghiêm cấm là Giới luật nghi. Mở ra cho là giới Nhiếp thiện . Nhiếp thọ, điều phục là giới Nhiêu ích hữu tình . Với người không có lỗi, thì nên nhiếp thọ (thu nhận), kẻ có lầm lỗi, thì nên điều phục. Bốn thứ này đều là giới Độ, năm Độ còn lại đều là giới hạnh, lại là năm thứ. Nhờ giới được định, gọi là niềm vui trong hiện tại. Về sau, chứng đắc Bồ-đề, gọi là niềm vui ở mai sau."

Pháp sư Khuy Cơ nói "Tức ngăn, cấm; khai cho; nhiếp thọ và điều phục là bốn; không lấy hai nghiệp thân, khẩu. Và năm Độ, không luận giới độ. Chín thứ này tức là giới Độ."

Luận sư Trắc nói "Đầu tiên chia giới ra làm bốn; năm Độ sau là năm, hợp thành chín thứ. Hai thứ trước trong bốn thứ trước là hạnh lợi mình; hai thứ sau là hạnh lợi người, cũng có thể hai thứ trước là y cứ theo pháp để phân biệt: ác, là pháp ngăn thiện tức là khai. Hai môn sau, đối với người để phân biệt: hễ là điều thiện, thì nhiếp thọ; việc ác, thì khuất phục ngay. Bốn thứ này là giới Biệt giải thoát.

Tĩnh lự trong năm thứ sau, đều hiện hành là Định cộng giới. Tuệ đều hiện hành là Đạo công giới.

Ba thứ Thí, tinh tấn đều hiện hành, cũng thuộc về Biệt giải thoát tùy hành.

Giới thanh tịnh có mười. Luận sư Cảnh nói "Một giới đầu là thọ; giới thứ mười, là nói về Trì, tám thứ khoảng giữa là nói về lìa chướng

của giới."

Nói "Hôn trầm không thái quá và Điệu cử không thái quá, nghĩa là do Hôn trầm thái quá, nên trái phạm về giới. Dù cho sinh tàm, quý, cũng còn lớp mỏng. Nay, xa lìa tàm, quý là do điệu cử thái quá, nên chẳng phải chỗ nên hối mà sanh tàm quý, nên nay cũng xa lìa."

Pháp sư Thái nói "Hôn trầm, Điệu cử thái quá, nghĩa là nếu lúc Bồ-tát phạm giới, khởi tàm, quý tăng thượng. Lại có người thật sự không phạm giới, liền sinh tàm quý, gọi là tàm quý phi xứ, là tâm điệu cử lớn, Bồ-tát cũng xa lìa."

Pháp sư Khuy Cơ nói "Mười tướng, như Luận Địa Trì nói: thứ hai trong đây, luận kia chia làm hai: Hôn trầm thái quá là một, trao cử thái quá là hai. Gồm thâu quỹ tắc thứ sáu này với tịnh mạng thứ bảy làm một, thật ra, về nghĩa quỹ tắc và tịnh mạng khác nhau, không thể là một, điều mà luận kia đã lầm.

Giới trao cử thái quá trong thứ hai này, nói là chẳng phải chỗ ấy, nghĩa là trì giới thái quá, bèn trì chẳng phải chỗ, chỗ có thể trì, gọi là lỗi của chỗ. Chỗ không thể trì của có thể trì này là "phi xứ" (chẳng phải chỗ). Nếu Điệu cử thái quá, vượt qua đây, đến "phi xứ" thì có thể sinh hối quý.

Luận sư Trắc nói "Như Quyết Trạch quyển bảy mươi lăm ở dưới chép "Lại nữa, đã nói mười thứ Thi-la thanh tịnh trong phẩm giới ở trước. Phải biết rằng, một giới đầu tiên là ý lạc thanh tịnh; chín giới khác là gia hạnh lại có năm thứ:

1) Không có gián đoạn, thiếu gia hạnh.
2) Tu khắp gia hạnh
3) Hướng chung gia hạnh
4) Giúp đỡ gia hạnh
5) Thủ hộ gia hạnh.

Thứ hai, thứ ba là gia hạnh đầu; thứ tư là gia hạnh thứ hai; thứ năm là gia hạnh thứ ba; thứ sáu, thứ bay, thứ tám, thứ chín là gia hạnh thứ tư; thứ mười là gia hạnh thứ năm.

Thứ hai, thứ ba kia trong phần nói về gia hạnh Vô gián, một thứ trước, nói về lìa hôn trầm, Điệu cử, để nói về gia hạnh Vô gián, một thứ sau, lìa biếng nhác, v.v... để nói về gia hạnh Vô gián.

Nói "hôn trầm thái quá", là nói về lìa phạm nhỏ, sinh ra hối quý, gây trở ngại cho hạnh lợi người.

Trạo cử thái quá v.v... Nghĩa là cảm thấy hổ thẹn đối với chỗ chẳng phải giới. Chẳng hạn như giới gà, giới heo v.v... của ngoại đạo.

Nói "Năm chi không buông lung như trước đã nói", nghĩa là cho trì đầu tiên của phẩm Giới ở trước, nghĩa là ba đời đều hiện hành và những việc đã làm trong thời gian trước, đều nói rõ về hạnh Tùy hành không buông lung. Về phần nhiếp sự sau cũng nói về hạnh đó.

Nếu y theo luận bản cựu dịch thì thứ sáu, thứ bảy hợp thành một. Nay, chia làm hai: Thứ hai, thứ ba hợp thành thứ hai. Y cứ ở Quyết Trạch thì Vô gián thiếu gia hạnh và gia hạnh trợ bạn, biết được sự khai, hợp của luận bản cựu dịch là sai lầm.

Trên đây, đã giải thích về chín môn tịnh giới xong. Thứ hai dưới đây trong phần nói về sự thắng lợi của giới, gồm có:

1) Nói về giới Đại Thi-la sẽ được Bồ-đề.

2) Nói về chưa thành Phật đến nay, được năm thắng lợi. Hai thứ đầu trong năm là thắng lợi của hiện báo, thứ ba, thứ tư là thắng lợi của báo đời sau, thứ năm chung cho thắng lợi của hiện tại và đời sau.

Dưới đây là thứ ba, nói việc làm của giới hạnh, trong đó:

1) Nhiếp chín làm ba.

2) Nói về ba nhóm giới, mỗi nhóm đều có việc đã làm.

3) Nói về gồm thâu hết việc đã làm.

Nói "Luật nghi có thể an trụ tâm. Nghĩa là nhờ giới được định, gọi là phẩm an trụ trong tâm. Đoạn lớn có ba: Hai đoạn trước đã xong. Trong phần kết của đoạn thứ ba nói "Chỉ có ngần ấy tịnh giới của Bồ-tát", là nhắc lại chín môn trước, chỉ có ngần ấy lợi của tịnh giới là nhắc lại môn thứ hai, chỉ có ngần ấy việc mà tịnh giới đã làm, là nhắc lại môn thứ ba. Trừ các môn này, không có quá tăng, nghĩa là nói gồm thâu khắp hết, kết không có thêm, bớt.

"Quá khứ..." trở xuống, kết các giới trước, ba đời đều cùng tu học.

PHẨM NHẪN

Đối với cảnh mà tâm an, gọi là Nhẫn. Phẩm này nói rộng, nên gọi là phẩm Nhẫn.

Trong văn, trước là hỏi; kế là; giải thích, sau là kết, khen công năng của Nhẫn.

Trong giải thích có hai:

1) Chia ra chín chương

2) Dựa vào chương giải thích.

Trong tự tánh nói "Hoặc sức tư duy lựa chọn là đối tượng nương tựa v.v... Luận sư Cảnh nói "Cho đến khả năng có thể nhẫn kẻ oán, hại, thể nhẫn không lợi ích của người. Đây là đối với tất cả khổ cụ, có khả năng nhẫn chịu, nên nói rằng khắp tất cả, đối với tất cả kẻ oán thù v.v... vì có thể nhẫn, nên nói rằng khắp tất cả. Dùng thế văn này để giải thích riêng không lợi ích của người, cũng có thể lấy sức tư duy, lựa chọn v.v... để nói về nhẫn không lợi ích cho người."

"Khắp tất cả..." trở xuống, là nói về an thọ Khổ nhẫn. "Cùng khắp tất cả v.v..." trở xuống, là nói về tư duy giải nhẫn.

Nói "Do không có tâm nhiễm, nghĩa là không quên thiện căn."

Vì thuần thương xót, nghĩa là bi "duyên" chúng sinh, tức văn sau đây thuận với giải thích ở trước.

Pháp sư Thái thuật lại bốn giải thích:

1) "Nhẫn Tư Tuệ, gọi là sức tư duy lựa chọn. Nhẫn tu tuệ, gọi là Tự tánh, do tự tánh của tu tuệ có thể kham nhẫn."

2) "Nhẫn của Địa trước, nghĩa là sức tư duy lựa chọn, học lâu, thành tựu, gọi là tự tánh nhẫn.

3) Nhẫn trước khắp tất cả đều có thể nhẫn, nhẫn sau, khắp tất cả đều có thể nhẫn. Trong một chúng sinh có nhiều việc, nghĩa là hoặc việc đánh đập, hoặc mắng nhiếc v.v... chẳng phải một."

4) Pháp sư Khuy Cơ nói "Về thời gian, chung cho ba cõi, gọi là Biến nhẫn; về không gian, nhuần thấm cả bốn sinh, là Phổ nhẫn. Lại, chung khắp cả hữu tình là Biến nhẫn, chung cho cả kẻ oán, người thân, là Phổ nhẫn. Như thế, Vô lượng phân biệt!

Do tâm không có nhiễm, có thể thương xót, nghĩa là theo Địa Trì, tâm không có nhiễm, tức Vô tham. Do nhẫn dựa vào Vô tham và tâm bi, nên có thể nhẫn, nay, tâm không có nhiễm. Tâm nhiễm tức tham cũng được. Lại, tức sân cũng được.

Luận sư Trắc nói "Sức tư duy, lựa chọn là nương tựa, nghĩa là nói

về nhân của Nhẫn kia. Hoặc do tự tánh, nghĩa là đối với duyên, chính nêu ra thể nhẫn của tự tánh, trong đó, đầu tiên, chính là nêu ra Thể của Nhẫn. "Khắp tất cả v.v...", nghĩa là có thể nhẫn đối với hữu tình.

Về sau, khắp tất cả v.v... Nghĩa là đối với pháp, có thể nhẫn, do tâm không có nhiễm, vì hay thương xót, nên có thể nhẫn, nghĩa giải thích thành nghĩa nhẫn.

Do tham ái nhiễm thân mình, nên hễ gặp phải hoàn cảnh ngang trái thì nổi giận ngay. Chính vì thế, nên dựa vào tâm không có nhiễm,có thể có kham nhẫn. Do sân, không có thương xót chúng sinh, hễ gặp phải cảnh ngang trái, thì liền phẩn nộ, cho nên, nương tựa thương xót, có thể có khả năng nhẫn.

Trong tất cả nhẫn, đầu tiên, là gạn; kế là, giải thích; sau là kết trước, chia ra sau.

Trong giải thích có hai:

1) Y cứ ở nhân chia làm hai

2) Y cứ ở cảnh, chia làm ba, trong đó, đầu tiên, y cứ cảnh được chia làm ba; sau, dựa vào chương nêu, giải thích.

Trong phần trước, gồm có:

1) Nhẫn nại khi bị người khác oán ghét hãm hại. Luận sư Cảnh nói "Dùng Vô nhuế và bi "duyên" chúng sinh làm tánh.

Luận sư Trắc nói "Dùng Vô si và tuệ làm tánh."

2) An thọ Khổ nhẫn, dùng hai số tinh tấn và Tuệ làm tánh.

Ba pháp: Tư, thắng giải, nhẫn. Luận sư Cảnh nói "Dùng trí tuệ, vô duyên đại bi làm tánh. Luận sư Trắc nói "Dùng hai số định, tuệ làm tánh."

Trong dựa vào chương để giải thích, trước là giải thích về sự nhẫn nại, sự oán hại của người khác, văn được chia làm ba: Đầu tiên, là hỏi, kế là, giải thích, sau là kết.

Trong giải thích có ba:

1) Nêu cảnh nhẫn

2) "Nên biết rằng, học như thế v.v..." trở xuống, là đối cảnh tu nhẫn.

3) "Sao gọi là nhẫn?" trở xuống, là giải thích nhẫn, nghĩa là .

Đầu tiên, nói là mạnh mẽ, nhạy bén, nghĩa là khổ nặng. Vô gián, là khổ nối tiếp nhau chủng chủng, nghĩa là nhiều nỗi khổ, thời gian dài, nghĩa là nỗi khổ lâu xa. Các khổ từ tha sanh hiện tiền: là bốn khổ trước hiện tiền ép ngặt.

Trong đối cảnh tu nhẫn có hai: Trước, tu ba quán; sau tu năm

tưởng.

Nói ba quán là:

1) Quán tư duy nghiệp đã qua của mình.

2) Quán tánh Khổ của các hành

3) Quán dùng thứ nhỏ chú thành to.

Nói "Ở trên tánh Khổ, lại tăng là Khổ", nghĩa là tất cả pháp hữu lậu lấy Khổ hạnh làm tánh, tức trên tánh Khổ này, vì thêm Khổ Khổ, Khổ hoại , nên nói như thế. Nhưng trong năm tưởng: 1) trước hết, nêu sơ lược. 2) Giải thích rộng.

Thân giáo quỹ phạm, tôn giống với tôn v.v... Hòa thượng, gọi là Thân giáo sư. Xà-lê gọi là Quỹ phạm sứ. Phần lớn, người đồng học và có đức, gọi là Tôn giống dưới đây gọi là Tợ tôn.

Trong tưởng Vô thường nói rằng "Các hữu tình, hoặc sinh hoặc trưởng. Pháp sư Khuy Cơ nói "Sinh, nghĩa là hóa sinh, vì loại tăng trưởng. Trưởng, nghĩa là ba sinh còn lại tăng trưởng dần."

Nay, giải thích "Đầu tiên sinh ra, lớn lên, cuối cùng trở về với cái chết."

Trong giải thích danh, Luận sư Cảnh nói "Tự không giận dữ, không báo óan người khác, nghĩa là đối với oán có thể nhẫn."

Cũng không tùy miên chảy rót, thường nối tiếp nghĩa là giả sử tạm thời Khởi sân, nhưng nối tiếp nhau không lâu. Luận sư Trắc nói "Tự không có giận v.v... là nói về tâm Vô thượng. "Cũng không tùy miên v.v...", là nói về hạt giống đoạn."

Kế là, giải thích An thọ Khổ nhẫn, văn được chia làm ba: 1) Hỏi, 2) giải thích, 3) kết.

Trong giải thích có ba:

1) Nêu xưa để so sánh nay, tiêu biểu chung về chủ thể nhẫn (năng nhẫn).

2) "Thế nào...?" Trở xuống, là giải thích rộng tất cả sự Khổ có ba.

3) "Lại, các Bồ-tát dù xúc chạm các khổ..." trở xuống, là khen chung, chỉ rõ sự vượt hơn.

Y cứ giải thích rộng, trước, nêu tám Khổ, kế sau, là giải thích theo thứ lớp.

Y, nghĩa là bốn y, tức là Y phấn tảo. Thường mặc đi khất thực, ngồi trong gò mả, dưới gốc cây, là bệnh, thì chữa trị. Bốn thứ này gọi là các vật lặt vặt.

Trong Khổ xứ của thế pháp có chín, bốn thứ trước là bốn trong

tám thế pháp, tức duyên trái mà hợp, nên Khổ. Trong đây, bất luận bốn thứ như lợi v.v... Do đó, nếu nhân tướng chẳng phải Khổ, nên về sau, chính vì pháp ái lìa, nên sinh ra Khổ.

Pháp sư Thái nói "Hoại của hoại pháp , nghĩa là đối với pháp có thể hư hoại, lúc hư hoại sinh ra khổ. Đối với pháp có thể hết, khi hết sinh ra Khổ, cho đến pháp có thể chết, lúc chết, sinh ra Khổ."

Tám pháp như thế, một lúc gặp duyên, gọi là "hoặc chung". Duyên riêng một thứ mà hội ngộ, gọi là sai khác.

Luận sư Cảnh nói "Hoại hết, nghĩa là tiền của, dụng cụ bên ngoài, chỗ ở, ruộng, vườn, rừng cây, nhà cửa, y phục đều hư hoại hết, gọi là dựa vào Khổ xứ ở trên. Già, bệnh, chết là Khổ hoại của báo bên trong. Pháp sư Khuy Cơ nói "Pháp của hoại, pháp là tánh của các pháp dục là pháp hư hoại, đến lúc hư hoại, gọi là pháp hoại hoại pháp.

Pháp hết, nghĩa là thể của các pháp dục đến hết, không có lúc nào là hết. Pháp hoại trước cũng có chất, pháp hết hôm nay hết, không có chất, già v.v... y cứ so sánh sẽ biết.

Hỏi "Nếu vậy, pháp hết hết, với pháp tử tử, pháp hoại hoại với pháp bệnh bệnh có gì khác nhau?"

Nghĩa rằng "Một bên là pháp ngoài, còn một bên là pháp trong, cho nên khác nhau."

Trong pháp nhiếp bảy. Luận sư Cảnh nói "Năm pháp trước là Văn tuệ, người Tiểu thừa nói "Thọ trì kinh, luận là Sinh đắc tuệ." Đại thừa thì cho là Văn tuệ thọ trì ba tạng. Thứ sáu là Tư tuệ, thứ bảy là chỗ lợi người của tu tuệ."

Khổ có mười một thứ như trước nói, nghĩa là "mười một thứ sự như giúp đỡ v.v..." trở xuống, giải thích về pháp, nhẫn tư thắng giải đầu tiên là nói tám chỗ sanh thắng giải. Sau, là nói do hai nhân duyên mà nhẫn được an lập.

Trong phần trước nói rằng "Đối với tất cả pháp, có thể tư duy, lựa chọn là nói mới tu quán, do khéo quán sát v.v... là nói "tu quán cuối cùng thành" trở xuống, là phát ra thể của cảnh. Nếu theo Cựu luận thì không đặt để số một, hai v.v... là do người Cựu luận, cho rằng, Tam Bảo được chia làm ba, nhân, quả hợp thành một, không đến tất cả sở tri, hành xứ được thích ứng là một số riêng mà thành tám.

Nay, tám số này như phẩm lực chủng tánh ở trên đã nói rộng, chỉ phẩm kia đã nêu thứ lớp của số, so với đây hơi khác. Thứ hai của xứ kia là oai lực. Thứ ba, nghĩa chân thật. Nay, oai lực này là thứ ba, nghĩa thật là thứ hai. Văn rất dễ hiểu.

Do hai nhân duyên:

1) Vì tập quán trong thời gian dài, nghĩa là phẩm lực tánh nói rằng: "Vì phần nhiều tu thắng giải."

2) Vì chứng thiện tịnh trí: phẩm Lực Tánh nói "Vì chứa nhóm nhẫn mạnh mẽ, nhạy bén."

Trong nhẫn Thiện sĩ, như Pháp sư Viễn nói "các Bồ-tát cho đến trong thế giới trời, là một; "Thấy thắng lợi" trở xuống, là hai; "khuyến hóa v.v..." trở xuống là ba; khen ngợi nhẫn là bốn; thấy năng thực hành nhẫn là năm."

Pháp sư Cảnh và Thái đồng trường hợp này.

Luận sư Trắc nói "Văn chia làm ba:

1) Nói chung về thấy thắng lợi của Nhẫn.

2) "Khả năng có thể nhẫn" trở xuống, chính là nói về nói năm Nhẫn.

3) "Thấy thắng lợi" trở xuống, là nói về việc làm thắng lợi.

Nói năm nhẫn: Trước ở đời đương lai, sẽ không có nhiều kẻ thù là một. Không có nhiều tai nạn thình lình là hai. Có hỷ, lạc là ba, lúc chết không có ăn năn là bốn. Sau thân hư hoại v.v... là năm. Trong Kinh Thiện Giới nói "1) Không chấp mắc tâm ác, tâm sân, cho đến năm là chết rồi, thọ niềm vui trời, người."

Thứ ba, trong phần nói về việc làm thắng lợi có bốn câu: Câu đầu là lợi mình; ba câu sau là lợi người. Nay, dựa vào ba câu sau để giải thích, tức vì dựa vào thấy năm điều lợi, nên sinh Nhẫn, gọi là năm nhẫn. Sáu thứ, bảy thứ trong tất cả thứ nhẫn. Thế nào là sáu thứ? Sáu thứ đó là:

1) Phi ái Dị thục, vì sợ nên thực hành Nhẫn.

2) Thương xót các hữu tình trực tiếp khéo thực hành nhẫn.

3) Đối với Vô thượng Bồ-đề, khởi tâm mạnh mẽ, nhạy bén, viên mãn nhẫn độ mà năng thực hành Nhẫn.

4) Pháp xuất gia thọ nhẫn. Nói "Do pháp thọ. Luận sư Cảnh nói "Nói là vì muốn thọ nên được chánh hạnh."

5) Đã tập xuyên suốt, nay an trụ nhẫn.

6) Biết pháp nhẫn không có hí luận.

Thế nào là bảy thứ? Bảy thứ đó là:

1) Nhẫn không lợi ích, tức nhẫn nại sự oán hại của người khác.

2) Từ nhẫn tất cả, tức An thọ Khổ nhẫn. Bốn thứ này đối cảnh phân biệt.

3) Nhẫn tất cả xứ.

4) Nhẫn tất cả thời. Phân biệt hai thứ thời và xứ này.

5) Nhẫn thân.

6) Nhẫn ngữ

7) Nhẫn ý.

Đây, tức là phân biệt ba nghiệp. Sáu thứ trước là hạnh tự phân biệt; bảy thứ sau là hạnh thắng tấn, gồm mười ba thứ.

Trong Toại cầu nhẫn, trước, giải thích tám thứ, gọi là Toại cầu nhẫn. Sau, trong giải thích về danh, nghĩa của nhẫn, có tám. Luận sư Trắc nói "Ba thứ trước là nhẫn nại sự oán hại của người, chỉ trừ tự não. Năm thứ sau là An thọ Khổ nhẫn, trừ não của mình, người.

Trong phần trước, đối với những người Khổ, đến cầu xin, người bị điều ác ép ngặt có thể nhẫn. Kinh Thiện giới nói "Người nghèo hèn, thường theo cầu xin Bồ-tát. Dựa vào pháp Đại bi, nhẫn không gây tổn não, do nương tựa giáo pháp và nương tựa đại bi, nên có thể nhẫn. Nghĩa là khả năng có thể nhẫn nại, dứt trừ các Khổ, các Khổ của hữu tình, người đã có siêng năng, Khổ nhọc. Do hữu tình kia có các Khổ, nên Bồ-tát dựa vào những nỗi Khổ đó, không hề cảm thấy mệt mỏi, có khả năng chịu đựng."

Nếu đối với hữu tình có tổn não, do nhẫn nên xa lìa được. Cựu luận chép: "Việc nhỏ đã có thể kham nhẫn được lợi ích."

Trong ưa nhẫn của đời khác này có chín. Luận sư Trắc nói "Cựu Luận sư cho rằng, sinh, già, bệnh, chết là tức bốn; lạnh, nóng, đói, khát hợp thành một, vì trừ không buông lung trước, nên có chín thứ. Nay, giải thích không đúng. Đầu tiên, trụ không buông lung là một; đối với các pháp lành là hai. Trường hợp khác, rất dễ hiểu. Lại, giải thích "Trụ không buông lung là trường hợp chung. Hoặc thân, hoặc tâm thì hợp thành hai. Trường còn lại rất dễ hiểu. Cảnh, Pháp sư Khuy Cơ đồng với giải thích sau, tức với điều kiện có thể nhẫn là thứ nhất. Kế là, lạnh, nóng là hai; đói, khát là ba; muỗi, rận là bốn; gió, nắng là năm; rắn, rít là sáu; thân cần cù, nhọc nhằn là bảy; Tâm nhọc mệt là tám; sinh, già là chín.

Trong thanh tịnh nhẫn có mười. Nghĩa là các Bồ-tát cho đến cuối cùng không đáp lại quả báo là một, cũng không có ý giận là hai; cũng không có oán ghét, hoài nghi ba; ý lạc nối tiếp nhau, cho đến chẳng phải thù oán, tự tánh ăn năn, từ bỏ năm, cuối cùng không khiến người khác, cho đến vừa từ bỏ, liền thọ là sáu; đối với việc không thể nhẫn, thành tựu tăng thượng tàm, quý mạnh mẽ, nhạy bén là bảy. Dựa vào có thể nhẫn, cho đến yêu thích mạnh mẽ, nhạy bén, nên yêu là tám.

Dựa vào không tổn não, cho đến ái lạc là chín. "Tất cả không nhẫn" trở xuống là mười.

Y cứ trong Luận địa trì bản cựu dịch, đặt số thứ nhất v.v...

Luận sư Cảnh nói "Tất cả không nhẫn, nghĩa là sân nhuế, đều là pháp giúp đỡ, nghĩa là nghiệp thân, ngữ đều sinh (câu sinh) với sân. Rằng, đều là pháp giúp đỡ pháp tâm, tâm số tương ưng với sân và các pháp như căn, trần v.v..."

"Vì đều được dứt trừ, nên lìa dục của cõi Dục", do chín thứ nhẫn tư duy lựa chọn ở trước làm nhân mà sinh ngang đồng với mười nhẫn của sức tu tập, nên có thể dứt trừ dục phiền não của cõi Dục, nhập địa Tĩnh lự.

Quyển bảy mươi lăm chép: "Lại nữa, trong mười nhẫn Ba-la-mật đa thanh tịnh, đại khái có hai thứ thanh tịnh, nghĩa là chín thứ nhẫn trước, gọi là sức tư duy, lựa chọn thanh tịnh; nhẫn thứ mười, gọi là sức tu tập thanh tịnh. Sức tư duy lựa chọn thanh tịnh lại có bốn thứ:

1) Xa lìa tội, sinh thanh tịnh

2) Tội kia không hiện hành, thanh tịnh

3) Không có tội sinh thanh tịnh

4) Xa lìa nhân duyên thanh tịnh kia, một thứ, hai thứ, ba thứ, bốn thứ, như thứ lớp của các thứ đó. Phần thứ ba ở dưới, là kết khen công đức.